TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/8/2017.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn"***.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Kim Xuyến.

Ông Võ Lâm Sơn.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972; (có mặt).

Cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Hồ Văn T (Hồ Thanh T), sinh năm 1969; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà và ông T tổ chức lễ cưới vào năm 2003 đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình nên ông bà thường hay cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Từ khi không còn sống chung, vợ chồng không tới lui thăm nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: không có. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà G vẫn như nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà G và ông T kết hôn năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2007 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm nên ly thân đến nay. Xét thấy, bà G xác định không còn tình cảm với ông T và thời gian vợ chồng ly thân cũng như thời gian bà G khởi kiện cả hai không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà G yêu cầu ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà G khởi kiện ông T, ông T có nơi cư trú Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà G và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 02 tháng 02 năm 2007 nên quan hệ nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà G xác định thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không phù hợp và không cùng quan điểm, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2016 đến nay không tới lui thăm nhau và cả hai không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Xét thấy, bà G và ông T không còn sống chung khoảng 01 năm nay nên vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau, giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân giữa ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G là phù hợp.

[2]. Về con chung: Không có.

[3]. Về tài sản chung: Không có.

[4]. Về nợ chung: Không có.

Ghi nhận việc bà G xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà G, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

[1]. Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Hồ Văn T (Hồ Thanh T).

[2]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0013752 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:		**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

- TAND tỉnh An Giang; - VKSND huyện Chợ Mới; - UBND xã B; - Các đương sự; - Lưu./.		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** *(Đã ký tên và đóng dấu)* **Lại Hiệp Phong**